

Số: 3650/QĐ-UBND

Hải phòng, ngày 17 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động
Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 14/5/2009 về việc cho phép thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2975/KHĐT-DN ngày 30/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 14/10/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ phát triển thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư Pháp, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hải Phòng; Chủ tịch Liên minh

hợp tác xã thành phố; Chủ tịch và Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- CT, PCT TT UBND TP;
- CVP, PCVP UBND TP P. A. Tuấn;
- Các Sở, ngành: KHĐT, TC, TP, LĐTĐ, NV, NHNN CN HP;
- LM HTX TP;
- Các Phòng: TCNS, NCKTGS;
- Lưu: VT, TC2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số 3650/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Điều lệ và Quỹ), các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Khách hàng” là Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã và thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã thuộc đối tượng được cho vay của Quỹ.

2. “Cho vay” là hình thức cấp tín dụng thông qua việc Quỹ giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận cho Quỹ.

3. “Nhận ủy thác cho vay” là việc Quỹ nhận vốn của bên ủy thác để thực hiện cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ theo thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

4. “Vốn điều lệ thực có” là mức vốn điều lệ trên sổ sách kế toán cộng hoặc trừ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán tại cùng một thời điểm.

5. “Nợ xấu” là nợ thuộc các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo quy chế về phân loại nợ của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

6. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác trong quan hệ vay vốn đối với Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Liên hiệp hợp tác xã với các hợp tác xã thành viên và ngược lại;
- Hợp tác xã với các thành viên và ngược lại;
- Các thành viên trong cùng một Tổ hợp tác.

7. “Người quản lý Quỹ” là Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ và người giữ chức danh khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ.

8. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Nghị định 45) và các văn bản quy phạm pháp luật sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ Quỹ.

Điều 2. Địa vị pháp lý, mô hình hoạt động và tư cách pháp nhân

1. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành phố được sắp xếp lại tổ chức và hoạt động theo Quyết định Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định 45. Quỹ trực thuộc Liên minh Hợp tác xã thành phố.

2. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành phố là quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong quản lý và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay ưu đãi đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã (trừ thành viên hợp tác xã là doanh nghiệp).

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước thành phố và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở chính

1. Tên gọi:

a) Tên gọi bằng tiếng Việt: QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG;

b) Tên giao dịch quốc tế: COOPERATIVE DEVELOPMENT ASSISTANCE FUND OF HAI PHONG CITY;

c) Viết tắt: CDAFHP.

2. Trụ sở chính: Số 7, Đường Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn trong nước và ngoài nước, các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật liên quan.

3. Cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật liên quan.

4. Thực hiện các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư; đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định trong Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

5. Ủy thác, nhận ủy thác cho vay theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, công khai, minh bạch; không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

b) Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.

c) Quỹ thực hiện cho vay đúng đối tượng và có đủ điều kiện theo quy định của Điều lệ này và Quy chế cho vay của Quỹ.

2. Phạm vi hoạt động

Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành phố hoạt động trong phạm vi địa bàn thành phố Hải Phòng theo Điều lệ Quỹ.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm

a) Thực hiện cho vay khách hàng đúng đối tượng, đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật và quy định của Quỹ;

b) Sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật liên quan;

c) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã thành phố;

đ) Cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính và tình hình hoạt động theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan;

e) Mua bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn cho hoạt động của Quỹ;

g) Báo cáo Liên minh Hợp tác xã thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình, giải thể, phá sản Quỹ. Trình Liên minh Hợp tác xã thành phố phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên. Quyết định sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy chế nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã thành phố.

2. Quyền hạn

- a) Tổ chức và hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ;
- b) Được lựa chọn các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả, đủ điều kiện, phù hợp với chính sách hỗ trợ khách hàng của Quỹ để thực hiện cho vay theo quy định tại Quy chế cho vay của Quỹ;
- c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Được từ chối mọi yêu cầu của cá nhân hay tổ chức về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Điều 7. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng trong Quỹ hoạt động theo Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Quỹ hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Quỹ tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Chương II HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 8. Các hoạt động của Quỹ

1. Cho vay trực tiếp đối với khách hàng theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
2. Nhận ủy thác cho vay.
3. Huy động, tiếp nhận các nguồn tài chính trong và ngoài nước để thực hiện cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
4. Thực hiện các hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư, tài chính và thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ; đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cho vay

1. Đối tượng cho vay
 - a) Cá nhân là thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã (trừ đối tượng thành viên hợp tác xã là doanh nghiệp);
 - b) Pháp nhân là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
 - c) Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố ban hành quy định đối tượng được ưu tiên cho vay từ nguồn vốn Quỹ sau khi có ý kiến phê duyệt chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Phạm vi cho vay: Quỹ cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này trên phạm vi thành phố Hải Phòng.

3. Điều kiện vay vốn:

- a) Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Pháp nhân là các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật. Cá nhân là thành viên của các hợp tác xã, tổ hợp tác phải đủ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- c) Có dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được Quỹ thẩm định, đánh giá là khả thi và có khả năng hoàn trả nợ vay;
- d) Thực hiện quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- đ) Có vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tối thiểu là 20% tổng vốn đầu tư dự án, phương án sản xuất kinh doanh.
- e) Tại thời điểm giải ngân lần đầu, khách hàng không có nợ xấu tại Quỹ và các tổ chức tín dụng.

4. Nguyên tắc cho vay:

a) Hoạt động cho vay của Quỹ đối với khách hàng được thực hiện theo thỏa thuận giữa Quỹ và khách hàng, phù hợp với quy định tại Điều lệ này và Quy chế cho vay của Quỹ.

b) Khách hàng vay vốn Quỹ phải đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng thời hạn đã thỏa thuận với Quỹ.

5. Mức vốn cho vay và giới hạn cho vay

a) Mức vốn cho vay:

Căn cứ vào phương án sử dụng vốn vay, khả năng tài chính, khả năng hoàn trả vốn vay, bảo đảm tiền vay của khách hàng và giới hạn cho vay quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 9 của Điều lệ Quỹ, Quỹ xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể cho từng khách hàng, phù hợp với khả năng nguồn vốn và năng lực tài chính của Quỹ.

b) Giới hạn cho vay

- Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay;

- Tổng mức cho vay đối với một khách hàng và người có liên quan không vượt quá 25% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay.

6. Thời hạn cho vay

Căn cứ vào chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh, phương án đầu tư; khả năng thu hồi vốn, khả năng trả nợ của khách hàng. Căn cứ khả năng nguồn vốn, Quỹ quyết định thời hạn cho vay đối với từng gói vay của khách hàng, thời hạn tối đa không quá năm 5 năm.

7. Phương thức cho vay

a) Cho vay từng lần: Mỗi lần cho vay, Quỹ và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay và ký kết thỏa thuận cho vay.

b) Cho vay hợp vốn: Quỹ cho vay hợp vốn thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận giữa Quỹ và khách hàng, phù hợp với quy định tại Quy chế cho vay của Quỹ và pháp luật liên quan.

c) Cho vay lưu vụ: Quỹ thực hiện cho vay đối với khách hàng để nuôi trồng, chăm sóc các cây trồng, vật nuôi có tính chất mùa vụ theo chu kỳ sản xuất liên kết trong năm hoặc các cây lưu gốc, cây công nghiệp có thu hoạch hàng năm. Theo đó, Quỹ và khách hàng thỏa thuận dư nợ gốc của chu kỳ trước tiếp tục được sử dụng cho chu kỳ sản xuất tiếp theo, nhưng không vượt quá thời gian của 02 chu kỳ sản xuất liên tiếp.

d) Cho vay theo hạn mức: Quỹ xác định và thỏa thuận với khách hàng một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Trong hạn mức cho vay, Quỹ thực hiện cho vay từng lần. Một năm ít nhất một lần, Quỹ xem xét xác định lại mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì mức dư nợ này.

8. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay do Quỹ quyết định phù hợp với chính sách ưu đãi, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của Chính phủ và của thành phố, đồng thời đảm bảo nguyên tắc trang trải đủ chi phí hoạt động của Quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất cho vay.

b) Lãi suất quá hạn trong từng trường hợp do Quỹ quyết định, tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn.

c) Chủ tịch Quỹ quy định lãi suất cho vay trong từng thời kỳ, miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn sau khi có ý kiến phê duyệt chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố.

d) Đồng tiền cho vay và thu nợ là đồng Việt Nam.

9. Bảo đảm tiền vay

a) Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay hoặc không có bảo đảm bằng tài sản do Quỹ và khách hàng thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm;

b) Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm;

c) Chủ tịch Quỹ ban hành Quy chế bảo đảm tiền vay, trong đó quy định rõ từng biện pháp bảo đảm tiền vay, thẩm quyền quyết định miễn tài sản bảo đảm, sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố.

10. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Quỹ xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm biện pháp điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ) trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, như sau:

a) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng; thời hạn cho vay không thay đổi.

b) Khách hàng không có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ xem xét cho gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng.

c) Giám đốc Quỹ xem xét trình Chủ tịch Quỹ cho chủ trương việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng vay sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Quỹ, Giám đốc Quỹ ra quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng vay.

11. Quỹ ban hành quy định về cho vay, quản lý tiền vay phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan. Trong đó, quy định cụ thể về: đối tượng cho vay, điều kiện cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, hồ sơ cho vay, thu nợ, quy trình và thủ tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn; quy trình kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng; áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay, các trường hợp được miễn tài sản bảo đảm căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng; thẩm quyền quyết định đối với từng biện pháp bảo đảm và các quy định cụ thể khác.

Điều 10. Nhận ủy thác cho vay

1. Quỹ nhận ủy thác cho vay từ Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Quỹ được hưởng phí ủy thác, mức phí nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

3. Quỹ và các tổ chức ủy thác phải ký hợp đồng ủy thác để làm căn cứ triển khai thực hiện. Hợp đồng ủy thác phải quy định rõ các nội dung, gồm: Nội dung và phạm vi ủy thác, số tiền ủy thác, quy trình ủy thác, rủi ro phát sinh, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của các bên và các nội dung khác có liên quan.

4. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy định nhận ủy thác cho vay của Quỹ.

Điều 11. Phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro trong cho vay

1. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng đối với dư nợ cho vay trực tiếp và dư nợ từ nguồn vốn nhận ủy thác mà Quỹ chịu rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

2. Đối với những khoản nhận ủy thác mà Quỹ không chịu rủi ro thì không trích lập dự phòng rủi ro.

3. Sau năm (05) năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay và đã sử dụng mọi biện pháp mà không thu hồi được nợ, căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ, Chủ tịch Quỹ quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố sau khi đã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro trong cho vay của Quỹ.

Điều 12. Hội đồng xử lý rủi ro

1. Chủ tịch Quỹ thành lập Hội đồng xử lý rủi ro do Chủ tịch Quỹ làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên gồm Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tín dụng và các thành viên khác do Chủ tịch Quỹ quyết định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xử lý rủi ro:

a) Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro do Giám đốc Quỹ báo cáo;

b) Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

c) Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay; trong đó phải xác định rõ thời gian và biện pháp thu hồi nợ;

c) Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

đ) Chuẩn bị thủ tục, trình tự, hồ sơ để xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định như sau:

Sau 05 năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay và đã sử dụng mọi biện pháp mà không thu hồi được nợ, căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ hợp tác xã: Chủ tịch Quỹ hợp tác xã quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Liên minh hợp tác xã thành phố sau khi báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

e) Xây dựng Quy chế hoạt động nội bộ của Hội đồng xử lý rủi ro do Chủ tịch Quỹ ban hành.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Quỹ phân công hoặc ủy quyền.
 3. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng xử lý rủi ro sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố.

Điều 13. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay

1. Các biện pháp xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay trực tiếp của Quỹ:

- a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, lãi và số tiền trả nợ từng kỳ;
- b) Gia hạn nợ vay;
- c) Khoanh nợ;
- d) Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay;
- đ) Xóa nợ lãi; miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn;
- e) Xóa nợ gốc;
- g) Các biện pháp xử lý rủi ro khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay:

a) Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố xem xét phê duyệt xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng sau khi đã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố; phê duyệt về chủ trương miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn, khoanh nợ, xóa nợ lãi.

b) Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ xem xét quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro quy định tại khoản 2, Điều 13 Điều lệ này.

3. Chủ tịch Quỹ xem xét quyết định:

a) Xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố sau khi đã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Quyết định miễn, giảm lãi trong hạn, quá hạn, khoanh nợ đối với từng trường hợp cụ thể theo đề xuất của Hội đồng xử lý rủi ro sau khi được Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố phê duyệt về chủ trương.

4. Giám đốc Quỹ xem xét quyết định:

a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ (điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, lãi, số tiền trả nợ từng kỳ, gia hạn nợ) sau khi đã báo cáo Chủ tịch Quỹ và được Chủ tịch Quỹ chấp thuận bằng văn bản;

b) Chuyển nợ quá hạn, áp dụng các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định

1. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Vốn điều lệ thực có của Quỹ;
- b) Ngân sách Nhà nước cấp (nếu có)
- c) Khấu hao tài sản cố định;
- d) Các nguồn hợp pháp khác.

2. Quỹ hợp tác xã được mua sắm, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 10% vốn điều lệ thực có tại thời điểm quyết định đầu tư, mua sắm, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng đối với Công ty TNHH MTV do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Hàng năm, Quỹ xây dựng kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định trình Chủ tịch Quỹ và thực hiện đầu tư sau khi được Liên minh Hợp tác xã thành phố phê duyệt.

3. Việc quản lý, sử dụng, thanh lý, nhượng bán, kiểm kê, đánh giá lại tài sản của Quỹ theo đúng các quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 15. Hoạt động khác của Quỹ

1. Quỹ thực hiện các dịch vụ hỗ trợ cho đối tượng khách hàng vay vốn Quỹ, bao gồm:

- a) Dịch vụ tư vấn đầu tư;
- b) Dịch vụ tư vấn tài chính;
- c) Dịch vụ hỗ trợ, đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ.

2. Nguyên tắc tổ chức thực hiện các loại hình dịch vụ:

- a) Có kế hoạch/phương án tổ chức các loại hình dịch vụ;
- b) Chỉ tự thực hiện các dịch vụ nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc thuê dịch vụ bên ngoài nếu không đủ điều kiện;
- c) Chi phí thực hiện được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

3. Chủ tịch Quỹ quy định cụ thể về hoạt động dịch vụ khác của Quỹ.

Chương III

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ; CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUỸ

Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Phê duyệt Đề án chuyển đổi mô hình hoạt động, chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển năm (05) năm của Quỹ theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã thành phố.

2. Quyết định việc cơ cấu, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, phá sản, giải thể Quỹ theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã thành phố, trên cơ sở ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tư pháp sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Quyết định mức vốn điều lệ và phê duyệt điều chỉnh tăng, giảm mức vốn điều lệ của Quỹ trong quá trình hoạt động theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã thành phố, ý kiến tham gia của Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân thành phố.

4. Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

5. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm đối với chức danh Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã thành phố.

6. Thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn diện đối với hoạt động của Quỹ.

7. Định kỳ hàng năm và đột xuất báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả và tình hình hoạt động Quỹ.

8. Hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả hoạt động của Quỹ.

9. Trong quá trình hoạt động, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố những khó khăn vướng mắc phát sinh; đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách phù hợp với hoạt động của Quỹ theo thẩm quyền.

10. Quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã thành phố

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; phê duyệt chiến lược, kế hoạch hoạt động và kế hoạch đầu tư phát triển năm (05) năm của Quỹ.

2. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu của Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc.

4. Phê duyệt Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến của Kiểm soát viên.

5. Thực hiện việc giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch hoạt động và kế hoạch đầu tư phát triển năm (05) năm và kế hoạch hàng năm của Quỹ; đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại Quỹ hàng năm.

6. Hướng dẫn, đôn đốc Quỹ xây dựng, gửi báo cáo theo Điều 36 Điều lệ này.

7. Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập đối với Quỹ.

8. Thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 18. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ gồm:

1. Chủ tịch Quỹ.
2. Kiểm soát viên.
3. Ban điều hành gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Điều 19. Chủ tịch Quỹ

1. Chủ tịch Quỹ do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã thành phố kiêm nhiệm, có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai (02) nhiệm kỳ.

2. Chủ tịch Quỹ là người đại diện vốn chủ sở hữu, do Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Quỹ.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ

- a) Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;
- c) Có trình độ đại học trở lên trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán;
- d) Có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm là người quản lý, điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán;

4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ:

a) Xây dựng và trình Liên minh Hợp tác xã thành phố để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển năm (05) năm; kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;

b) Đề nghị Liên minh Hợp tác xã thành phố quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, đối với chức danh Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ;

c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, bổ nhiệm lại; chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ sau khi được Liên minh Hợp tác xã thành phố phê duyệt chủ trương;

d) Báo cáo Liên minh Hợp tác xã thành phố đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; cơ cấu, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình, giải thể, phá sản Quỹ;

đ) Trình Liên minh Hợp tác xã thành phố phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên Quỹ;

e) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật sau khi có ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã thành phố;

g) Thay mặt Quỹ ký nhận vốn, các nguồn lực khác do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân giao cho Quỹ;

h) Ký ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ;

i) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hiệu quả làm việc của Giám đốc;

k) Yêu cầu người điều hành Quỹ cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị;

l) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

5. Chủ tịch Quỹ sử dụng bộ máy giúp việc của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ Quỹ. Kinh phí hoạt động của Chủ tịch Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ được tính vào chi phí hoạt động bộ máy của Quỹ.

Điều 20. Kiểm soát viên Quỹ

1. Kiểm soát viên của Quỹ có thể kiêm nhiệm hoặc chuyên trách do Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm để giúp kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch Quỹ và Giám đốc Quỹ theo quy định của pháp luật, Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ và Điều lệ Quỹ.

2. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kiểm soát viên

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, khoản 3 Điều 19 tại Điều lệ Quỹ;

b) Có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm là người quản lý, điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán hoặc kinh nghiệm về kiểm soát trong hoạt động tín dụng;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã thành phố; Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

a) Giám sát việc quản lý, điều hành và thực hiện Điều lệ Quỹ của Chủ tịch, Giám đốc Quỹ;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Quỹ, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Chủ tịch quỹ, Giám đốc;

d) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành của Quỹ khi xét thấy cần thiết hoặc theo chỉ đạo của Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố;

đ) Kịp thời thông báo cho Chủ tịch Quỹ, Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố khi phát hiện người quản lý Quỹ có hành vi vi phạm, yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và kiến nghị giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

e) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này cho Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố;

g) Có quyền tiếp cận các hồ sơ tài liệu của Quỹ lưu trữ tại trụ sở chính và các địa điểm khác, có quyền đến các nơi người quản lý và cán bộ nhân viên của Quỹ làm việc;

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

a) Tuân thủ pháp luật, quyết định của Liên minh Hợp tác xã thành phố và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Quỹ;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại Quỹ;

c) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Quỹ thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Quỹ mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

6. Chế độ làm việc của Kiểm soát viên

- a) Hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách tại Quỹ;
- b) Độc lập và chủ động thực hiện các công việc theo kế hoạch;
- c) Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố.

7. Chi phí hoạt động của Kiểm soát viên được tính vào chi phí quản lý của Quỹ theo quy định của pháp luật.

8. Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã thành phố ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ theo quy định về Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 21. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp luật, trực tiếp điều hành hoạt động của Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm để trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ có thể kiêm nhiệm hoặc chuyên trách. Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 19 tại Điều lệ Quỹ;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã thành phố; Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ;

b) Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ Quỹ; thực hiện các quyết định của Chủ tịch Quỹ và các quy định của pháp luật. Trong thời gian vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền lại cho Phó Giám đốc Quỹ hoặc người được ủy quyền thực hiện điều hành các hoạt động hàng ngày của Quỹ. Nội dung ủy quyền nêu rõ phạm vi công việc ủy quyền cụ thể, thời hạn ủy quyền cụ thể, báo cáo kết quả thực hiện công việc trong thời gian ủy quyền;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay và các hoạt động khác; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình Chủ tịch Quỹ để Chủ tịch Quỹ trình cấp có thẩm quyền hoặc thông qua theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện;

d) Ban hành hoặc trình Chủ tịch Quỹ ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

đ) Lựa chọn, trình Chủ tịch Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố;

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc sau khi được Chủ tịch Quỹ chấp thuận về chủ trương. Quyết định tạm đình chỉ công việc của người lao động và chỉ định người tạm thời thay thế phù hợp với quy định pháp luật và kịp thời báo cáo Chủ tịch Quỹ;

g) Dự thảo, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành theo trình tự quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ Quỹ;

h) Ký các hợp đồng nhân danh Quỹ theo ủy quyền của Chủ tịch Quỹ, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền bắt buộc phải là Chủ tịch Quỹ;

i) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Chủ tịch Quỹ để trình các cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, chân thực của báo cáo tài chính, các báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

k) Quyết định tuyển dụng, bố trí, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên của Quỹ theo Bộ Luật lao động. Quyết định khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của Quỹ và quy định pháp luật;

l) Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn. Thuê các tổ chức hành nghề luật, luật sư, chuyên gia tư vấn pháp lý để thực hiện xử lý nợ và các hoạt động khác của Quỹ;

m) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;

n) Tổ chức thực hiện các kiến nghị của Kiểm soát viên đối với Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Kiểm soát viên kết quả thực hiện các kiến nghị;

o) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Quỹ.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Quỹ

a) Tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ;

b) Trung thành với lợi ích của Quỹ, không sử dụng thông tin, bí quyết hoạt động của Quỹ, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Chấp hành các quyết định của Chủ tịch Quỹ;

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Quỹ và Liên minh Hợp tác xã thành phố và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 22. Quan hệ giữa Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ

Chủ tịch Quỹ ban hành Quy định nội bộ về phân công, phân cấp trong quản lý điều hành và mối quan hệ công tác giữa Chủ tịch, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ.

Điều 23. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, sau khi được Thường trực Liên minh hợp tác xã thành phố phê duyệt chủ trương. Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Số lượng Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã thành phố quyết định nhưng tối đa không quá hai (02) người.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 19 tại Điều lệ Quỹ;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ;

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo phân công của Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ;

b) Thực hiện đúng nội dung được ủy quyền trong thời gian Giám đốc vắng mặt;

c) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Chủ tịch Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 24. Kế toán trưởng Quỹ

1. Kế toán trưởng Quỹ do Chủ tịch Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Kế toán trưởng của Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Kế toán trưởng

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 19 tại Điều lệ Quỹ;

b) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Không phải là thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ mua, bán tài sản trong Quỹ;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng:

a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; giúp Giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ.

b) Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

c) Chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và kế toán của Quỹ cho Giám đốc để báo cáo các cấp có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền;

đ) Tuân thủ các quy định theo Luật Kế toán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 25. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của bộ máy giúp việc trên cơ sở chấp thuận của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã thành phố.

2. Giám đốc Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc và cán bộ, nhân viên sau khi được Chủ tịch Quỹ chấp thuận về chủ trương.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện để được quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo bộ máy giúp việc do Chủ tịch Quỹ quy định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc

Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ trong điều hành, quản lý Quỹ, thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Tuyển dụng

a) Quỹ căn cứ chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động năm (05) năm và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ để xây dựng kế hoạch lao động hàng năm làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định pháp luật về lao động và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Thông tư số 13/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2022 về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

b) Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo quy định tại Quy chế tuyển dụng, đào tạo lao động và quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo và người quản lý của Quỹ.

6. Khen thưởng và kỷ luật

a) Các tổ chức, cá nhân của Quỹ có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Quỹ, hoặc có nhiều đóng góp mang lại hiệu quả trong hoạt động của Quỹ được khen thưởng theo quy chế khen thưởng do Chủ tịch Quỹ ban hành.

b) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Điều lệ Quỹ và các quy định nội bộ của Quỹ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định nội bộ của Quỹ và/hoặc pháp luật có liên quan.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ BẢO MẬT, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 26. Chế độ tài chính, kế toán

1. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ, Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13/10/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Năm tài chính của Quỹ hợp tác xã từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài chính, tài sản phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ.

Điều 27. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, thực hiện các nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

3. Thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 28. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn chủ sở hữu:
 - a) Vốn điều lệ;
 - b) Các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính;
 - c) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
 - d) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản;
 - đ) Chênh lệch thu chi chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
 - e) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ.
2. Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 29. Vốn điều lệ của Quỹ

1. Vốn điều lệ của Quỹ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).
2. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua trên cơ sở đề nghị của Liên minh Hợp tác xã thành phố sau khi có ý kiến thống nhất với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 30. Nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Quỹ

1. Việc quản lý, sử dụng vốn của Quỹ phải đảm bảo an toàn, đúng mục đích và có hiệu quả để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ.
2. Đối với quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi:
 - a) Quỹ được gửi tại các ngân hàng thương mại thành lập và hoạt động hợp tác tại Việt Nam theo nguyên tắc đảm bảo an toàn và phát triển vốn;
 - b) Quỹ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ về quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau: Tiêu chí lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn; thẩm quyền quyết định lựa chọn ngân hàng.

Điều 31. Bảo đảm an toàn vốn

Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động như sau:

1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối kết quả tài chính, thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo đúng quy định tại Điều lệ Quỹ, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện các quy định về giới hạn cho vay tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Mua bảo hiểm tài sản đối với tài sản pháp luật quy định phải mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Hạch toán vào chi phí hoạt động khoản dự phòng rủi ro cho vay theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

6. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy chế nội bộ về quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau: Tiêu chí lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn; thẩm quyền quyết định lựa chọn ngân hàng.

Điều 32. Thu nhập của Quỹ

1. Các khoản thu của Quỹ được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ và được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.

2. Doanh thu của Quỹ bao gồm:

2.1. Thu từ hoạt động nghiệp vụ:

a) Thu lãi cho vay;

b) Thu phí từ hợp đồng dịch vụ nhận ủy thác cho vay;

c) Thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư, tài chính liên quan đến hoạt động của Quỹ; thu từ hoạt động dịch vụ hỗ trợ, đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản thu khác từ hoạt động nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

2.2. Thu từ hoạt động tài chính:

a) Thu lãi tiền gửi;

b) Thu từ chênh lệch tỷ giá (nếu có);

c) Thu từ hoạt động tài chính khác.

2.3. Các khoản thu khác:

a) Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản;

b) Thu từ hoạt động cho thuê tài sản;

c) Chênh lệch các khoản thu bảo hiểm được bồi thường đền bù tổn thất tài sản sau khi thực hiện bù đắp tổn thất;

d) Thu nợ đã xóa thu hồi được;

đ) Thu hoàn nhập dự phòng;

e) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Chi phí của Quỹ

1. Chi phí của Quỹ là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động Quỹ; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật. Các khoản chi của Quỹ phải được ghi nhận và hạch toán cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chi phí của Quỹ bao gồm:

Chi phí của Quỹ là các khoản chi thực tế phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động của Quỹ, bao gồm:

2.1. Chi phí hoạt động nghiệp vụ:

- a) Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay, thu nợ;
- b) Chi phí liên quan đến hoạt động ủy thác và nhận ủy thác;
- c) Chi trích lập dự phòng rủi ro cho vay theo Điều 11 Điều lệ này.
- d) Chi mua bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm nghiệp vụ khác theo quy định;
- đ) Các khoản chi khác từ hoạt động nghiệp vụ.

2.2. Chi phí tài chính:

- a) Chi chênh lệch tỷ giá (nếu có);
- b) Các khoản chi khác từ hoạt động tài chính.

2.3. Chi phí quản lý:

a) Chi về tài sản gồm: Chi khấu hao tài sản cố định; chi thuê tài sản cố định; chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành tài sản; chi mua sắm công cụ, dụng cụ; chi bảo hiểm tài sản, chi kiểm định phương tiện theo quy định; chi nhượng bán, thanh lý tài sản không bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có);

b) Chi cho người quản lý, người lao động: Chi tiền lương, tiền công; các khoản đóng góp theo lương gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn bệnh nghề nghiệp, kinh phí công đoàn; chi ăn ca; chi trang phục giao dịch; chi cho lao động nữ, chi làm thêm giờ, khám sức khỏe định kỳ và các khoản chi khác cho người lao động áp dụng theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

c) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ: Chi điện, nước, điện thoại, internet, bưu phí, vật liệu, giấy in, văn phòng phẩm; chi công tác phí, chi tư vấn liên quan đến hoạt động của Quỹ, chi dịch vụ thanh toán, kiểm toán; chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước; chi cộng tác viên, chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ; chi đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ; chi thưởng sáng kiến cải tiến, tăng năng suất lao động, chi cho công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ cơ quan; chi y tế, chi xăng dầu, chi phòng cháy chữa cháy, chi phương tiện vận chuyển, chi tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị; chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết theo quy định của pháp luật;

d) Chi phụ cấp cho các chức danh kiêm nhiệm (nếu có);

đ) Các chi phí quản lý khác theo quy định của pháp luật.

2.4. Chi tham gia các hoạt động do Liên minh Hợp tác xã thành phố tổ chức có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

2.5. Chi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất tài sản, đầu tư tài chính và các khoản dự phòng khác áp dụng theo quy định của pháp luật đối với Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2.6. Chi phí khác:

a) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản (nếu có) bao gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý nhượng bán;

b) Chi phí xử lý tổn thất tài sản sau khi đã bù đắp bằng các nguồn vốn khác theo quy định;

c) Chi các khoản đã hạch toán doanh thu nhưng thực tế không thu được;

d) Chi tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

đ) Chi án phí, lệ phí thi hành án và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật;

e) Chi cho công tác xã hội theo quy định của pháp luật về thuế;

g) Chi đóng phí hiệp hội ngành nghề trong và ngoài nước mà Quỹ tham gia theo quy định của pháp luật (nếu có);

h) Chi cho hoạt động đảng, đoàn thể;

i) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Các khoản chi không được hạch toán vào chi phí của Quỹ

a) Các khoản thiệt hại đã được Nhà nước hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường.

b) Các khoản chi phạt của cá nhân do vi phạm hành chính, vi phạm môi trường, phạt nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính.

c) Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật.

d) Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.

đ) Các khoản chi của cá nhân ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác.

e) Đối với những khoản chi pháp luật chưa có quy định hoặc chưa khống chế mức chi, Quỹ căn cứ vào khả năng tài chính xây dựng định mức trong quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ, quyết định việc chi tiêu đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 34. Chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác

1. Người quản lý và Kiểm soát viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng chế độ thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ.

2. Người quản lý, Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách và cán bộ, nhân viên được hưởng chế độ tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ và theo quy định tại Thông tư số 13/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy chế về tiền lương, thù lao của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 35. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính

1. Kết quả tài chính là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí phát sinh trong năm tài chính:

a) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm thặng dư khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả dương;

b) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm bị thâm hụt khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả âm.

2. Khi kết quả tài chính trong năm của Quỹ đạt thặng dư, sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy định của pháp luật và bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), được phân phối như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.

c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động của Quỹ:

Quỹ xếp loại A được trích 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

Quỹ xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

Quỹ xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

d) Trích quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên:

Quỹ xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;

Quỹ xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;

Quỹ xếp loại C thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên.

đ) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điểm a và b khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định thì Quỹ được giảm mức trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

e) Số còn lại (nếu có) sau khi trích lập các quỹ trên được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Quỹ.

3. Mục đích sử dụng các quỹ

a) Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ hợp tác xã và dự trữ bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ hợp tác xã. Chủ tịch Quỹ quyết định hình thức và biện pháp đầu tư phù hợp với quy định áp dụng đối với Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình hoạt động sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí;

c) Quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên: Được dùng để thưởng cho người quản lý và kiểm soát viên của Quỹ hợp tác xã. Mức thưởng do Chủ tịch Liên minh hợp tác xã thành phố quyết định theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ;

d) Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cá nhân, tập thể của Quỹ hợp tác xã trên cơ sở năng suất lao động hoặc thành tích công tác;

đ) Quỹ phúc lợi được sử dụng để chi cho các hoạt động thể thao, văn hoá, công trình phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ của Quỹ hợp tác xã; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ Quỹ; Chi cho hoạt động phúc lợi khác của Quỹ. Giám đốc Quỹ phối hợp với Công đoàn của Quỹ quản lý, sử dụng quỹ này công khai, minh bạch.

Điều 36. Chế độ báo cáo

Trách nhiệm lập và gửi báo cáo:

1. Kiểm soát viên

Thực hiện báo cáo theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành phố.

2. Giám đốc Quỹ

a) Lập các báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm trình Chủ tịch Quỹ gửi Ủy ban nhân dân thành phố, Liên minh Hợp tác xã thành phố, Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hải Phòng, Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát;

b) Gửi Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm để tổng hợp báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Chính phủ theo quy định.

3. Các loại báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm của Quỹ tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Báo cáo tài chính, gồm: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; bản thuyết minh báo cáo tài chính; báo cáo tình hình thu chi tài chính; báo cáo tình hình phân phối chênh lệch thu, chi và sử dụng các quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

c) Báo cáo tình hình hoạt động cho vay của Quỹ;

d) Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm;

đ) Các Báo cáo định kỳ và đột xuất khác theo yêu cầu của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 06 tháng gửi chậm nhất trước ngày 15 tháng 7 hàng năm;

b) Báo cáo năm gửi chậm nhất sau 60 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; riêng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện gửi chậm nhất sau 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Phương thức gửi báo cáo: Theo phương thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

6. Trường hợp đột xuất, Quỹ có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

7. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

8. Giám đốc Quỹ ban hành Quy định về báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất của Quỹ gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 37. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ, bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Tăng trưởng dư nợ tín dụng;

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu (bao gồm dư nợ các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo kết quả phân loại nợ của Quỹ);

- c) Chỉ tiêu 3: Kết quả tài chính hàng năm;
- d) Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về cho vay, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, chế độ báo cáo tài chính;

2. Khi tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ tại khoản 1 Điều này, Quỹ được loại trừ các yếu tố khách quan về:

a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Thay đổi về chính sách của Nhà nước ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

3. Phương thức xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 52/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính.

4. Thường trực Liên minh Hợp tác xã thành phố thực hiện giao chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ.

Điều 38. Thanh tra, kiểm tra và kiểm toán

1. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của Cơ quan Thanh tra, Kiểm tra và Kiểm toán Nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy định về phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm của Quỹ.

Điều 39. Chế độ lưu giữ tài liệu của Quỹ

1. Quỹ lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Quỹ:

a) Điều lệ Quỹ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; các Quy chế quản lý nội bộ của Quỹ;

b) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ;

c) Các biên bản họp; các quyết định của Quỹ;

d) Báo cáo của Kiểm soát viên; Kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

đ) Hồ sơ tín dụng;

e) Tài sản bảo đảm;

g) Tài liệu, hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán của Quỹ;

h) Các tài liệu khác theo quy định nội bộ của Quỹ, Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

2. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Quỹ.

3. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Bảo mật và công khai thông tin

1. Những người làm việc tại Quỹ và những người liên quan không được tự ý tiết lộ những thông tin, bí mật về hoạt động của Quỹ mà mình biết.

2. Giám đốc Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài Quỹ. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Quỹ chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền.

3. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Quỹ là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương V

QUAN HỆ GIỮA QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG VÀ QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Điều 41. Nguyên tắc phối hợp hoạt động

Quỹ phối hợp với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam theo các nguyên tắc sau:

1. Bình đẳng, cùng có lợi vì mục tiêu chung phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2. Đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn trong quá trình phối hợp hoạt động.

3. Thực hiện trên cơ sở phối hợp hoạt động có sự thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

Điều 42. Nội dung phối hợp hoạt động

1. Nhận ủy thác vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam thực hiện hoạt động cho vay.

2. Cho vay vốn đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, khả thi theo nhu cầu của các bên.

3. Vốn nhàn rỗi của Quỹ có thể gửi tại Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và ngược lại.

4. Thực hiện các giải pháp đầu tư chung hệ thống công nghệ thông tin để kết nối trực tuyến giữa Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã các tỉnh/thành phố khác.

5. Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên, thành viên của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã thành phố.

6. Phối hợp tổ chức các hoạt động dịch vụ gắn với hoạt động cho vay trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

7. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn, giới thiệu cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên tổ hợp tác và hợp tác xã về hoạt động của Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

8. Lập và gửi báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm theo Điều 36 Điều lệ Quỹ về Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam để tổng hợp báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

9. Các hình thức phối hợp hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA QUỸ VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ TẠI ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 43. Quan hệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và xã hội và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hải Phòng

1. Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của các Sở, ngành về các nghiệp vụ, các lĩnh vực liên quan, thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu quản lý của các Sở, ngành liên quan trong thành phố.

2. Tham mưu cho Liên minh Hợp tác xã thành phố phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố việc điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ Quỹ trong từng thời kỳ.

3. Định kỳ sáu (06) tháng và hàng năm, Quỹ lập và gửi báo cáo gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hải Phòng theo Điều 36 Điều lệ Quỹ.

Điều 44. Quan hệ với Quỹ Hợp tác xã Trung ương và các cơ quan, tổ chức khác

1. Quan hệ với Quỹ hợp tác xã trung ương: Quỹ nhận ủy thác vốn từ Quỹ hợp tác xã Trung ương để thực hiện hoạt động cho vay; nhận hoặc gửi vốn nhàn rỗi từ Quỹ hợp tác xã Trung ương.

2. Quỹ xây dựng mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung: Hợp tác, liên kết, tư vấn, hỗ trợ, đầu tư và chuyển giao công nghệ, đào tạo, thẩm định... nhằm phục vụ cho các hoạt động của Quỹ; đảm bảo nguyên tắc không trái với các quy định của pháp luật, bình đẳng, cùng có lợi, an toàn và hiệu quả.

Chương VII

TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH QUỸ

Điều 45. Giải quyết tranh chấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân khác, Quỹ ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành, Quỹ đưa ra cơ quan trọng tài hoặc tòa án cấp có thẩm quyền để giải quyết theo trình tự quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 46. Các trường hợp giải thể Quỹ

Quỹ giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Quỹ không có đủ vốn điều lệ tối thiểu 20 tỷ đồng.
2. Quỹ bị các cơ quan thẩm quyền đánh giá xếp loại C trong 05 năm liên tiếp và tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay (không bao gồm các khoản nhận ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong năm (05) năm liên tiếp.
3. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 năm liên tiếp
4. Lũy kế chênh lệch thu chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ trong năm (05) năm liên tiếp.
5. Các trường hợp giải thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 47. Thẩm quyền quyết định giải thể Quỹ

Trên cơ sở đề xuất của Liên minh Hợp tác xã thành phố, ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hải Phòng, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua, phê duyệt chủ trương giải thể trước khi ban hành Quyết định giải thể Quỹ.

Điều 48. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ

Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ thực hiện theo quy định đối với Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 49. Phá sản Quỹ

Việc phá sản Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 50. Chuyển đổi mô hình hoạt động Quỹ

1. Quỹ chuyển đổi mô hình hoạt động từ mô hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang mô hình hợp tác xã phải thực hiện xây dựng phương án chuyển đổi, xác định rõ nghĩa vụ xử lý của Quỹ hợp tác xã hiện hành, phương án chuyển sang Quỹ hợp tác xã hoạt động theo mô hình mới (phương án tài chính, quản lý điều hành, dư nợ cho vay).

2. Thẩm quyền quyết định chuyển đổi mô hình: Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chuyển đổi mô hình theo đề nghị của Liên minh hợp tác xã thành phố, trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hải Phòng.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 51. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã thành phố để hướng dẫn xây dựng quy chế quản lý tài chính, tài sản của Quỹ.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp phát bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ trên cơ sở Quyết định phân bổ vốn đầu tư công hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công.

Điều 52. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Trên cơ sở đề nghị của Liên minh Hợp tác xã thành phố, căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách thành phố, tình hình hoạt động và nhu cầu của Quỹ, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ xem xét, tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ theo quy định.

2. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn Ngân sách địa phương cấp cho Quỹ theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

Điều 53. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Hải Phòng

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ.

2. Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã thành phố kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay của Quỹ.

3. Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan trong việc xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tổ chức và hoạt động của Quỹ và hướng dẫn thực hiện.

Điều 54. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và xã hội

Chủ trì, hướng dẫn Quỹ thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thủ lao, tiền thưởng đối với người lao động, người quản lý Quỹ.

Điều 55. Trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã thành phố

1. Thực hiện theo Điều 17 Điều lệ Quỹ.

2. Thực hiện quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo Quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.



3. Thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

Điều 56. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình hoạt động, trường hợp có sự thay đổi của pháp luật liên quan đến Điều lệ Quỹ, các quy định trong Điều lệ không còn phù hợp với thực tế, cần thay đổi, Chủ tịch Quỹ báo cáo Liên minh Hợp tác xã thành phố để trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, ban hành.

Điều 57. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc thực hiện các hợp đồng tín dụng, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan trước thời điểm Điều lệ Quỹ có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo đúng các thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận khác. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Quy chế cho vay của Quỹ.

2. Tại thời điểm Điều lệ Quỹ có hiệu lực, căn cứ quy định trích dự phòng rủi ro cho vay quy định tại Điều 11 Điều lệ này, trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ thừa so với số phải trích thì phần chênh lệch thừa được hoàn nhập vào thu nhập; trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ thiếu so với số phải trích, trong vòng 12 tháng, Quỹ thực hiện bổ sung dự phòng rủi ro theo quy định.

Điều 58. Trách nhiệm thi hành

1. Các quy chế, quy định nội bộ của Quỹ phải bảo đảm việc tuân thủ nguyên tắc, nội dung quy định tại Điều lệ Quỹ.

2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ Quỹ hoặc có quy định mới của pháp luật khác với nội dung Điều lệ Quỹ thì quy định đó được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

3. Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ Quỹ. /.